

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HSST

Ngày: 26-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Ông Phạm Văn Xum

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh S - sinh ngày 02/02/1999 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị T; Vợ: chưa; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Ông Trần Văn H - sinh năm: 1974 “Vắng mặt”

Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người làm chứng:

1. Em Trần Văn P - sinh năm: 2000 “Vắng mặt”

Người giám hộ: Ông Trần Văn H - sinh năm: 1974

Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Võ Thị T - sinh năm: 1974 “Có mặt”

Nơi cư trú: Tổ 9 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 27/4/2017, Nguyễn Thanh S điều khiển xe mô tô biển số 72H1-14895 đến nhà ông Trần Văn H trú tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để chơi với con trai ông H là Trần Văn P. Tại đây, khi nghe ông H nói P vào nhà lấy tiền ở trong bóp ở túi quần để đi đổ xăng thì mẹ P đưa tiền cho P. Do đó, S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông H. Lợi dụng lúc mọi người ra phía sau nhà, S đi đến chỗ quần của ông H lục tìm bóp và lấy trong túi quần 01 bóp màu vàng rồi bỏ vào túi quần của S và điều khiển xe chạy về nhà cất giấu. Khi ông H phát hiện mất tài sản trình báo Công an thị trấn Đ làm việc với S, S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ số tiền trộm cắp là 3.450.000đồng cùng 01 cái bóp màu vàng bên trong có 04 tờ vé số.

Tại cơ quan điều tra, bị hại khai số tiền bị mất trong bóp có hơn 8.000.000đồng. Qua xác minh, ông H đã bỏ đi khỏi địa phương (không rõ đi đâu) nên Cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành đối chất giữa ông H và S. Do đó, chỉ đủ cơ sở xác định S chiếm đoạt của ông H là 3.450.000đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Bản cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo đã ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Vào khoảng hơn 16 giờ ngày 27/4/2017 tại nhà ông Trần Văn H thuộc khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại 01 cái bóp màu vàng bên trong có số tiền 3.450.000đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó có đủ căn cứ khẳng định bản cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo S là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra ông H khai số tiền trong bóp là hơn 8.000.000đ và qua xác minh ông H đã bỏ đi khỏi địa phương (không rõ ở đâu) nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thực hiện được việc đối chất giữa ông H và bị cáo. Đồng thời, trong quá trình điều tra, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền trong bóp là hơn 8.000.000đ. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 3.450.000đồng là có cơ sở.

[4] Hành vi của bị cáo là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo thành một công dân tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà để giám sát, giáo dục tại cộng đồng cũng đủ điều kiện giúp bị cáo trở thành người có ích cho xã hội nên áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Thanh S 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh S cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung